

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/KDTM- PT.

Ngày 28/5/2021.

V/v: tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Xuân Tuấn và bà Ngô Tuyết Băng.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Phan Hồng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 305/2020/KTPT ngày 17/12/2020 về tranh chấp hợp đồng xây dựng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2020/KDTM-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2021/QĐXX- PT ngày 19/4/2021, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB

Trụ sở: số phố VTS, phường (nay là phường VTS), quận, TP Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: ông Lê Viết H- Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH ALB & PARTENS; Người nhận ủy quyền lại: anh Đặng Xuân Đ (địa chỉ tại phòng Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền ngày 31/12/2020) (anh Đ có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Dương Tuấn Lộc và Luật sư Thái Nguyên Thắng, Công ty Luật TNHH ALB & PARTNERS (Luật sư Lộc, Luật sư Thắng có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn

Trụ sở: tầng, tòa nhà B...A..., sốđường CG, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội; Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: bà Bùi Hải H- Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH Smic; Người nhận ủy quyền lại chị Nguyễn Thị Hồng N (theo Giấy ủy quyền ngày 04/01/2021 của Công ty Luật TNHH SMic) (chị Nguyễn Thị Hồng N có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, các Bản tự khai, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB thông qua người đại diện theo ủy quyền thống nhất với người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 15/10/2014, Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty cổ phần tập đoàn (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 57/2014/HĐTC/...-HBC và các Phụ lục hợp đồng số 01, 02 và 03 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 57) với các nội dung thỏa thuận bị đơn đồng ý gia công nguyên đơn thực hiện thi công công trình nhà câu lạc bộ (nhà club house) và trung tâm hội nghị (nhà đa năng), thuộc dự án sân golf và khu nghỉ dưỡng quốc tế Sầm Sơn do bị đơn làm chủ đầu tư, tại địa điểm xã QC, thị xã S...., tỉnh Thanh Hóa, bao gồm các phần việc thi công phần móng; thi công kết cấu phần thân và xây gạch; thi công hoàn thiện trát tường và các cấu kiện, bả, sơn tường, sơn sàn, láng, lát sàn, chống thấm,...; sửa chữa sai sót và hoàn thiện công trình theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt.

Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn số tiền là 16,5 tỷ đồng. Sau đó, nguyên đơn tiến hành thi công công trình và các hạng mục công việc theo hợp đồng và đã được bị đơn thanh toán, tạm ứng 02 lần. Tổng cộng số tiền bị đơn đã tạm ứng, thanh toán cho nguyên đơn là 46,5 tỷ đồng.

Nguyên đơn đã hoàn thành toàn bộ công trình xây dựng và bàn giao cho bị đơn đưa vào sử dụng. Trên thực tế, bị đơn cũng đã sử dụng các hạng mục công trình nêu trên phục vụ cho công tác tổ chức thành công sự kiện Sao Mai điểm hẹn năm 2015.

Ngày 13/12/2016, sau khi hoàn tất đầy đủ các thủ tục và hồ sơ quyết toán hợp đồng, nguyên đơn đã đệ trình hồ sơ quyết toán cho bị đơn với tổng giá trị thi công đã thực hiện là 74.936.826.192 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Trong đó, nguyên đơn cũng đề nghị bị đơn thanh toán số tiền còn lại, cụ thể:

- Giá trị quyết toán (tổng giá trị xuất hóa đơn) là 74.936.826.192 đồng;

- Giá trị giữ lại bảo hành 3.746.841.310 đồng;

Tổng giá trị bị đơn đã tạm ứng, thanh toán cho nguyên đơn sau thuế 46,5 tỷ đồng.

Do đó, giá trị bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 24.689.984.882 đồng tại thời điểm đề nghị quyết toán.

Tuy nhiên, do bị đơn cố tình chưa phê duyệt cũng như không thanh toán số tiền nêu trên theo quy định hợp đồng, nguyên đơn đã rất nhiều lần gửi văn bản khiếu nại và yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo quy định tại Điều 23.1 Hợp đồng số 57, thời hạn phê duyệt hồ sơ quyết toán và thực hiện thanh toán là 30 ngày (tức từ ngày 13/12/2016 đến ngày 12/01/2017). Trong thời gian này, nếu bị đơn có yêu cầu bổ sung, điều chỉnh hồ sơ quyết toán thì phải thực hiện việc đó 01 lần duy nhất bằng văn bản trong khoảng thời gian 10 ngày đầu tiên

từ ngày nguyên đơn nộp hồ sơ quyết toán. Nếu hết thời hạn nêu trên mà bị đơn không có sự phản hồi theo quy định thì các bên thống nhất rằng hồ sơ quyết toán được xem là đầy đủ và bị đơn phải hoàn tất việc phê duyệt quyết toán và thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn đã định. Trên thực tế, bị đơn đã không có bất kỳ phản hồi hay yêu cầu nào về hồ sơ quyết toán đến nguyên đơn trong thời hạn nêu trên. Vì vậy, hồ sơ quyết toán được xem như đã đệ trình đầy đủ và hợp lệ. Bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn theo giá trị đã được đệ trình.

Hết thời gian bảo hành, nguyên đơn được quyền nhận lại toàn bộ giá trị giữ lại bảo hành là 3.746.841.310 đồng. Đồng thời, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn phải chịu thêm khoản thiệt hại tài chính do chậm thanh toán phát sinh từ ngày 15/6/2015 đến 31/12/2016 là 4.820.042.040 đồng.

Do đó, tổng cộng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 33.256.868.232 đồng (trong đó, gồm nợ gốc là 28.436.826.192 đồng và lãi phạt là 4.820.042.040 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng số 57 trong thư xác nhận công nợ phải trả lần 1 ngày 08/02/2018, trong đó, gồm nợ gốc 28.436.826.192 đồng, tiền phạt chậm thanh toán 4.820.042.040 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 09/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.436.826.192 đồng x (lãi suất chậm thanh toán là 1%/tháng) x 30 tháng và 23 ngày = 8.749.063.525 đồng. Lãi sẽ được tiếp tục tính cho đến khi thu hồi nợ xong. Tổng cộng 42.005.931.757 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày:

Ngày 15/10/2015, nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng số 57 đúng như nguyên đơn đã trình bày. Sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn tổng số tiền là 46,5 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thường xuyên không đảm bảo nhân lực theo yêu cầu, chất lượng thi công không đảm bảo, cần phải sửa chữa nhiều làm chậm tiến độ của dự án. Cụ thể, đối chiếu giữa thời hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng số 57 so với thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng (có xác nhận của nhà tư vấn) thì nguyên đơn đã vi phạm nghiêm trọng tiến độ, cụ thể:

- Đối với nhà cầu lạc bộ chậm ít nhất 114 ngày;
- Đối với trung tâm hội nghị chậm ít nhất 110 ngày.

Đến thời điểm hiện nay, nguyên đơn và bị đơn đã nhiều lần làm việc nhưng không thống nhất được về giá trị quyết toán của công trình, hồ sơ đề nghị quyết toán của nguyên đơn đối với Hợp đồng số 57 chưa được nhà tư vấn xác nhận. Đặc biệt, các hạng mục mà các bên chưa thống nhất liên quan đến giá trị phần công việc phát sinh ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng số 57, cũng như việc khấu trừ các chi phí mà bị đơn đã phải bỏ ra để sử dụng nhà thầu thứ ba sửa chữa các sai sót của nguyên đơn. Cụ thể:

- Đối với giá trị phần công việc phát sinh ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng số 57 các bên chưa ký kết bất cứ Phụ lục hợp đồng nào để xác lập rõ ràng các hạng mục phát sinh công việc, đơn giá áp dụng cho các phần công việc này. Các bên không thống nhất được về đơn giá vật liệu, nhân công...;

- Để sửa chữa các sai sót do nguyên đơn gây ra trong quá trình thi công, bị đơn đã phải sử dụng nhà thầu thứ ba để khắc phục các sai sót này với chi phí lên tới hơn 1,2 tỷ đồng;

Ngày 06/02/2020, nguyên đơn khởi kiện bị đơn với nội dung yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền 39.797.338.256 đồng, trong đó nợ gốc là 28.436.826.192 đồng, phạt do chậm thanh toán 4.820.042.040 đồng (từ 15/6/2015 đến 31/12/2016) và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 09/02/2018 đến 09/01/2020 là 6.540.470.024 đồng. Lãi sẽ tiếp tục tính cho đến khi thu hồi nợ xong.

Như vậy, đến thời điểm hiện nay việc xác định giá trị quyết toán của công trình vẫn chưa hoàn tất (như đã nêu tại mục 1.3 và 1.4). Do đó, bị đơn khẳng định rằng việc nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền như họ nêu tại mục 1.5 là hoàn toàn chưa có căn cứ.

Bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn thanh toán khoản tiền khấu trừ và phạt theo quy định tại hợp đồng với số tiền 2.290.339.416 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn cho rằng các yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở, tính đến thời điểm hiện tại, bị đơn và nguyên đơn vẫn chưa thống nhất được về giá trị quyết toán của Hợp đồng số 57, chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Theo đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 28.436.826.192 đồng và các khoản lãi chậm thanh toán, phạt chậm thanh toán là hoàn toàn không có cơ sở vì:

Thứ nhất, Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm các công việc hoàn thành theo Hợp đồng số 57 đến nay vẫn chưa được xác lập do nguyên đơn chưa đảm bảo đủ điều kiện để bị đơn có thể ký xác nhận Biên bản nghiệm thu.

Thứ hai, Biên bản nghiệm thu ngày 14 -15/06/2015 có chữ ký xác nhận của nguyên đơn và tư vấn giám sát không có giá trị pháp lý, không đáp ứng quy định tại Hợp đồng số 57 và quy định pháp luật về các điều kiện cơ bản của Biên bản nghiệm thu.

Thứ ba, chưa có đủ căn cứ, cơ sở để nguyên đơn cũng như bị đơn có thể xác định một cách chính xác khối lượng công việc đã thực hiện và đơn giá phát sinh. Theo đó, mọi dự toán/tính toán về giá trị quyết toán đều chỉ là dự kiến, không có giá trị ràng buộc giữa các bên.

Thứ tư, chưa đủ điều kiện để các bên tiến hành quyết toán hợp đồng, việc nguyên đơn đệ trình hồ sơ quyết toán là không có giá trị pháp lý.

Bởi những lý do trên, một lần nữa, bị đơn khẳng định, nguyên đơn và bị đơn chưa thống nhất được về giá trị quyết toán Hợp đồng số 57, chưa phát sinh nghĩa vụ thanh

toán của bị đơn. Theo đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 28.436.826.192 đồng và các khoản lãi chậm thanh toán, phạt chậm thanh toán là hoàn toàn không có cơ sở.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Bác bỏ toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
- Buộc nguyên đơn nghiêm túc thỏa thuận, thống nhất với bị đơn về khối lượng các công việc phát sinh và các vấn đề tồn tại trong chất lượng thi công của nguyên đơn tại dự án. Trong trường hợp nguyên đơn không chấp nhận thỏa thuận và/hoặc các bên không thể thống nhất về đơn giá, khối lượng công việc phát sinh, đề nghị Tòa phân định về nguyên tắc, căn cứ để các bên có cơ sở xác định khối lượng, đơn giá để quyết toán được Hợp đồng;

- Buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn tiền phạt vi phạm do thi công chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng công trình (giá trị phạt chính thức xin được xác định theo nguyên tắc quy định tại hợp đồng và giá trị quyết toán Hợp đồng số 57 được thống nhất giữa các bên) và khấu trừ cho bị đơn phần chi phí mà bị đơn đã phải bỏ ra cho nhà thầu thứ 3 để khắc phục các sai sót của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2020/KDTM-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán các khoản tiền công nợ và các thiệt hại phát sinh do chậm thanh quyết toán từ Hợp đồng số 57 và các Phụ lục hợp đồng số 01, 02 và 03.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán khoản tiền 2.290.339.416 đồng bao gồm hai khoản phạt vi phạm do chậm tiến độ xây dựng công trình là 1.030.036.874 đồng và tổn thất do khắc phục các sai sót công trình từ Hợp đồng số 57 thực tế chi trả là 1.260.302.542 đồng.

2. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền sau đây:

Nợ gốc 28.436.826.192 đồng, tiền phạt do chậm thanh toán 4.820.042.040 đồng, tiền lãi do chậm quyết toán tính từ ngày 09/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.749.063.525 đồng. Tổng cộng các khoản tiền phải thanh toán là 42.005.931.757 đồng.

3. Kể từ ngày 05/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm kể trên, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 21/2020/KDTM-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng thống nhất trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn đã có phương án hòa giải với nhau và giải quyết xong toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên là bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 35 tỷ đồng là số tiền còn nợ của Hợp đồng số 57 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, trong thời hạn 02 tháng kể từ bắt đầu tháng 6/2021 và sẽ hoàn thành trước ngày 31/7/2021.

Về án phí: các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu án phí 50% án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phương án hòa giải của hai bên nguyên đơn và bị đơn, sửa lại Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đây là tranh chấp về hợp đồng xây dựng, bị đơn có trụ sở tại quận Cầu Giấy, nên theo quy định tại các điều 30,35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân TP Hà Nội thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã đưa ra được phương án hòa giải và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Các thỏa thuận của các đương sự không bị lừa dối, ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 50% án phí sơ thẩm. Do sửa Bản án sơ thẩm, nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 30, 35, 39 293, 294, 300, 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 138, 139, 141, 143, 144, 146 và 147 Luật xây dựng năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2020/KDM-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty cổ phần tập đoànđồng ý trả cho Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB...số tiền 35 (ba mươi lăm) tỷ đồng là số tiền còn nợ của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 57/2014/HĐTC/.....-HBCngày 15/10/2014, trong thời hạn 02 tháng kể từ bắt đầu từ 01/6/2021 và sẽ hoàn thành trước ngày 31/7/2021.

3. Về án phí:

a. Án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần tập đoàn chịu 71.500.000 (bảy mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm. Xác nhận Công ty cổ phần tập đoàn ... đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 38.903.000 (ba mươi tám triệu chín trăm linh ba nghìn) đồng theo Biên lai số 3694 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án quận Cầu Giấy. Công ty cổ phần tập đoàn còn phải nộp tiếp số tiền là 32.597.000 (ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

- Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB.... chịu 71.500.000 (bảy mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm. Xác nhận Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB.....đã nộp 73.000.000 (bảy mươi ba triệu) đồng theo Biên lai số 3373 ngày 20/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng HB được nhận lại 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

b. Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty cổ phần tập đoàn số tiền án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 3836 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu HS, VP, HCTP và TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành